

An Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG
Số 177-KH/TU
Số:
Ngày: 03/6/2024
Chuyển: 1/CV
Lưu hồ sơ số:

KẾ HOẠCH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi là *Kết luận số 69-KL/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung của Kết luận số 69-KL/TW nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong Tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Phát triển khoa học và công nghệ gắn liền với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành phù hợp với từng giai đoạn cụ thể.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ nhằm phát triển nhanh, bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ tài nguyên và môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm khoa học và công nghệ, để khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng trong đổi mới mô hình tăng trưởng, đưa nền kinh tế của Tỉnh phát triển nhanh và bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và phù hợp với thực tế của địa phương trên cơ sở kế thừa kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 28/02/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Việc triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW phải thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương, đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo việc thực hiện theo quy định.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, xác định phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, tạo nền tảng để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Kịp thời cụ thể hoá nghị quyết, chủ trương của Đảng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo bước đột phá để chuyển nhanh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất lao động, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực của Tỉnh và quốc gia, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển Tỉnh nhanh và bền vững.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong công tác vận động, tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội, động viên Nhân dân tham gia tích cực, góp phần phát triển

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 28/02/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 gắn với việc thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 26/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Rà soát, kịp thời cụ thể hoá các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đầu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chính sách xã hội. Ưu tiên ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học, nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền; thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước và có chính sách thu hút nguồn lực từ doanh nghiệp dành cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên, tập trung nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, phát triển nguồn nhân lực và thị trường khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, phát triển các sản phẩm địa phương có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu; gắn nhiệm vụ phát triển

khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm vi phạm trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Tỉnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục sắp xếp, đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phát triển số lượng tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc tổ chức, bộ máy hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập khoa học và công nghệ; hỗ trợ nâng cao tiềm lực và khả năng làm chủ công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, tăng cường sự liên kết với doanh nghiệp trong việc ứng dụng, đổi mới công nghệ và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành nông nghiệp, khoa học và công nghệ, y tế, môi trường, giáo dục bảo đảm thực hiện chức năng nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, khai thác và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ theo quy định. Thúc đẩy gắn kết các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp để kết quả nghiên cứu nhanh chóng được áp dụng, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Hình thành và sớm đưa vào hoạt động Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (phục vụ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thu hút, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ ứng dụng công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, trọng tâm là giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo định hướng phát triển nông nghiệp của Tỉnh) thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đảm bảo phát triển bền vững.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị - công nghệ cho Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang để phấn đấu trở thành đơn vị làm chủ công nghệ sản xuất các nhóm sản phẩm chủ lực của Tỉnh như: nhân giống rau, hoa, dược liệu giá trị cao. Hình thành mạng lưới cung cấp giống rau, hoa, dược liệu tại một số vùng quy hoạch phát triển rau, hoa, dược liệu của Tỉnh.

- Thúc đẩy, hình thành các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng; thành lập hội đồng chuyên môn, thẩm định, góp ý độc lập cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tăng cường hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong sinh viên, học sinh, đoàn viên, thanh niên. Đẩy mạnh hoạt động phối

hợp với các viện, trường trong và ngoài tỉnh trong công tác triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tạo sự liên kết giữa hoạt động giảng dạy và nghiên cứu gắn với tình hình thực tiễn; tranh thủ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ, sau tiến sĩ thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ.

- Có cơ chế, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung vào các nhà khoa học giỏi, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, các chuyên gia đầu ngành, trí thức có uy tín, có thành tựu cống hiến trong các ngành, lĩnh vực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho trí thức trẻ, nữ trí thức phát triển trong các lĩnh vực, nhất là nâng cao trình độ ngoại ngữ để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học; chính sách thu hút nguồn nhân lực khu vực công từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đến công tác, làm việc trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên xét chọn, tôn vinh và tổ chức gặp mặt trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

4. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

- Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh; tiếp tục duy trì, phát triển sàn giao dịch công nghệ tỉnh An Giang (trực tiếp, trực tuyến), hướng đến kết nối một cách đồng bộ với các sàn giao dịch công nghệ của vùng và quốc gia; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục và các đơn vị sự nghiệp công. Khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn lớn thành lập trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển các hướng nghiên cứu, giải pháp công nghệ gắn với chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học, công nghệ cao và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng gắn với các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; chú trọng phát huy lợi thế của từng địa phương trong tỉnh. Nghiên cứu phát triển công nghệ thay thế, công nghệ sử dụng nguồn nguyên liệu từ chất thải tái chế, công nghệ năng lượng xanh trên địa bàn tỉnh.

- Phân đầu xây dựng An Giang thành địa phương thu hút lực lượng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm ủng hộ, hỗ trợ thí điểm các giải pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh như: du lịch, công thương, tài nguyên và môi trường...

5. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 1158/QĐ-TTg, ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 và Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập; Quyết định số 732/QĐ-UBND, ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh An Giang đến năm 2030. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi; chủ động, kịp thời cập nhật, ứng dụng phát triển các dịch vụ, sản phẩm chủ lực, đặc trưng của Tỉnh góp phần xây dựng thương hiệu “An Giang” và các địa danh trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế định giá, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và xác lập quyền sở hữu đối với sản phẩm nghiên cứu, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp theo quy định pháp luật.

- Tiếp tục hỗ trợ tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm đặc sản có thể mạnh của Tỉnh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, nhất là tài nguyên trí tuệ của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, phát triển hạ tầng chất lượng của Tỉnh phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực của Tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, bao gồm các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hoá công nghệ, dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp. Quan tâm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả, sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như hàng hóa đặc biệt có giá trị, quyền sở hữu và lưu thông trên thị trường.

6. Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành đã ký kết thỏa thuận hợp tác với địa phương thông qua các nội dung cụ thể như: nghiên cứu phục tráng, lai tạo các giống cây, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản, chế biến và phát triển thị trường các loại nông sản chủ lực của Tỉnh. Đặc biệt, đẩy mạnh chương trình hợp tác giữa Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh... với Tỉnh nhằm tập trung nguồn lực vào các ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thiết thực, phù hợp, đáp ứng tình hình, nhu cầu thực tế, giải quyết những vấn đề then chốt tại địa phương.

- Mở rộng liên kết và phối hợp hiệu quả hơn với các nhà khoa học đầu ngành, các viện, trường, trung tâm nghiên cứu... để không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ; trường đại học - doanh nghiệp, hình thành mạng lưới trung tâm chuyển giao, ứng dụng công nghệ để tăng cường mối liên kết các viện, trường với doanh nghiệp. Tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch, chợ công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ mới đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động tiếp cận các chương trình, dự án hợp tác quốc tế của Chính phủ, các bộ, ngành, viện nghiên cứu, trường đại học... nhằm tham gia thực hiện, tiếp nhận hỗ trợ, tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Trung ương và của Tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt, học tập Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này; cụ thể hóa Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn ở địa phương, đơn vị; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách của Tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch này trong các lĩnh vực được ưu tiên, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của Tỉnh và theo đúng quy định pháp luật.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tập hợp, động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện hiệu quả Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này; thường xuyên giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức để phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo),
- Các huyện, thị, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn,
- Các đơn vị cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đồng chí Nguyễn Việt Hùng, Trần Việt Thành, Phạm Quang Bản, Ngô Văn Út Nhỏ, Phạm Minh Tâm, Trần Hoàng Kiêm, Y Trung Niê K'Dăm, Chu Trần Trường,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ


Lê Hồng Quang